

Bản án số: 61 /2025/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 9 - 2025
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đạt

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hậu

2. Ông Ngô Đình Tư

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hoàng Anh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Nghệ An.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị H - sinh năm 1986

Nơi cư trú: Xóm F, xã H (nay xã H), tỉnh Nghệ An

- Bị đơn: Anh Bùi Văn T - sinh năm 1985

Nơi cư trú: Xóm F, xã H (nay xã H), tỉnh Nghệ An

(Các đương sự đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/10/2024, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đặng Thị H trình bày như sau:

Chị Đặng Thị H và anh Bùi Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 19/5/2005 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc hòa thuận cho đến năm 2021 thì bắt đầu nảy sinh các mâu thuẫn cho đến nay và ngày càng trở nên căng thẳng. Nguyên nhân là do anh Bùi Văn T sống thiếu trách nhiệm với gia đình, vợ con. Chị H đã nhiều lần góp ý khuyên ngăn nhưng anh T vẫn không thay đổi. Tình trạng như vậy kéo dài dẫn đến vợ chồng không còn tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã. Mặc dù gia đình hai bên đã khuyên bảo vợ chồng quay lại

đoàn tụ nhưng không thành. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị Đặng Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về tình cảm: ly hôn anh Bùi Văn T.

- Về con chung: vợ chồng có 03 con chung là: Bùi Song T1, sinh ngày 01/6/2005; Bùi Đặng Minh T2, sinh ngày 28/1/2015; Bùi Đặng Minh T3, sinh ngày 22/2/2017. Hiện tại ba cháu đang ở với anh Bùi Văn T. Nay ly hôn chị N có nguyện vọng giao hai cháu Bùi Đặng Minh T2 và cháu Bùi Đặng Minh T3 cho anh Bùi Văn T trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con chung, cháu Bùi Song T1 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ tài sản chung: vợ chồng không nợ cá nhân, tổ chức nào và nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn anh Bùi Văn T trình bày:

- Về tình cảm: Anh Bùi Văn T thống nhất với lời trình bày của Đặng Thị H về điều kiện kết hôn, thời gian chung sống, tình trạng hôn nhân. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nay chị H yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

- Về con chung: vợ chồng có 03 con chung là: Bùi Song T1, sinh ngày 01/6/2005; Bùi Đặng Minh T2, sinh ngày 28/1/2015; Bùi Đặng Minh T3, sinh ngày 22/2/2017. Hiện tại ba cháu đang ở với anh Bùi Văn T. Nay ly hôn anh T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai cháu Bùi Đặng Minh T2 và cháu Bùi Đặng Minh T3 và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung, cháu Bùi Song T1 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp

Nguyên đơn chị Đặng Thị H và anh Bùi Văn T tự nguyện kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh đúng theo quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Do trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống nên chị H yêu cầu ly hôn. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên Tòa án nhân dân khu vực 3 - Nghệ An thụ lý giải quyết vụ án về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự;

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết:

Bị đơn anh Bùi Văn T cư trú tại xóm F, xã H (nay xã H), tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Nghệ An

được quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[1.3]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Đặng Thị H và bị đơn anh Bùi Văn T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: xét thấy chị Đặng Thị H và anh Bùi Văn T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, vì vậy là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc hòa thuận cho đến năm 2021 thì bắt đầu nảy sinh các mâu thuẫn cho đến nay và ngày càng trở nên căng thẳng. Mặc dù gia đình hai bên đã khuyên bảo vợ chồng quay lại đoàn tụ nhưng không thành. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành nhiều phiên họp hòa giải nhưng anh T không có mặt tại Tòa án và tại phiên tòa anh đề nghị xét xử vắng mặt. Điều này chứng tỏ anh T bỏ mặc hôn nhân, không có thiện chí để vợ chồng đoàn tụ. Mặt khác, đến thời điểm xét xử chị H vẫn giữ nguyên ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Bùi Văn T. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị Đặng Thị H được ly hôn anh Bùi Văn T là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị Đặng Thị H và anh Bùi Văn T có 03 con chung là Bùi Song T1, sinh ngày 01/6/2005; Bùi Đặng Minh T2, sinh ngày 28/1/2015; Bùi Đặng Minh T3, sinh ngày 22/2/2017. Hiện tại ba cháu đang ở với anh Bùi Văn T. Nay ly hôn, chị H có nguyện vọng giao hai cháu Minh T2, Minh T3 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con chung; còn cháu T1 đã thành niên đủ khả năng lao động để tự nuôi mình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T4 cũng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu. Xét thực tế, cháu T1 hiện nay đã đủ tuổi thành niên, có khả năng lao động, tự nuôi sống bản thân và đương sự cũng không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét; hai cháu Minh T2, Minh T3 hiện đang ở cùng bố để là anh T4, có cuộc sống sinh hoạt ổn định, hai cháu cũng có nguyện vọng được ở cùng bố. Xét thấy, sự thỏa thuận của đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp và để đảm bảo quyền và lợi ích của con chung cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao hai cháu Bùi Đặng Minh T2 và cháu Bùi Đặng Minh T3 cho anh Bùi Văn T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị Đặng Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo

quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đương sự không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung: các đương sự không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228, Điều 238; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Đặng Thị H được ly hôn anh Bùi Văn T.

2. Về nuôi con chung:

Giao 02 con chung là cháu Bùi Đặng Minh T2, sinh ngày 28/1/2015; Bùi Đặng Minh T3, sinh ngày 22/2/2017 cho anh Bùi Văn T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi hai cháu thành niên đủ 18 tuổi.

Chị Đặng Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh Bùi Văn T đến khi anh T có yêu cầu.

Chị Đặng Thị H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không được ai cản trở.

Vì lợi ích của con, các bên được quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về án phí: buộc chị Đặng Thị H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được tính trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000113 ngày 24/4/2025 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Diễn Châu (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 - Nghệ An).

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND khu vực 3 - Nghệ An;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Đạt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Đình Tư Nguyễn Văn Dũng

Lê Văn Đạt

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND khu vực 3 - Nghệ An;
- CTHADS tỉnh Nghệ An;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Đạt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hậu Cao Thị Thùy An

Lê Văn Đạt

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND khu vực 3;
- CCTHADS huyện Đô Lương;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Đạt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Công Hải Nguyễn Văn D

Lê Văn Đ